

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2024

V/v: Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Nho Quan

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024; về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Phạm Huy C**; Sinh năm 1954; địa chỉ: **Thôn Anh T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị Ngọc Q** sinh năm 1968; địa chỉ: **Thôn Q, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình**. (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông **Phạm Huy C** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phạm Huy C** và bà **Lê Thị Ngọc Q** được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 03/11/2022 tại **UBND xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình**. Sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông, bà không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng ông mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Kể từ tháng 05 năm 2024, bà **Q** đã không ở cùng ông mà đã về nhà mình để ở cho đến nay. Ông **C** thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên ông làm đơn này đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà **Lê Thị Ngọc Q**.

Về con chung: Không có nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt ông **Phạm Huy C** vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà **Lê Thị Ngọc Q** vì tình cảm ông bà không còn. Về con chung, về tài sản chung và công nợ chung: không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn bà **Lê Thị Ngọc Q** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của ông **C** trình bày về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế, mâu thuẫn trong việc ông **C** đã thay mặt chồng cũ của bà **Q** để lo cho các con nhưng đã không thực hiện, bà **Q** có góp ý nhưng ông **C** vẫn không thực hiện, vẫn vô trách nhiệm với con của bà **Q**. Nay ông **C** làm đơn xin ly hôn bà **Q**, bà **Q** không muốn ly hôn với ông **C** vì hai ông bà đã già yếu tuy nhiên ông **C** cứ cương quyết ly hôn thì bà **Q** đồng ý về việc xin ly hôn của ông **C**.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình lấy lời khai bà **Lê Thị Ngọc Q** có trình bày do điều kiện sức khỏe không tiện đi lại nên không thể thường xuyên về làm việc với tòa án được nên có đề nghị tòa án trong quá trình giải quyết và xét xử cho bà được vắng mặt.

Ngoài ra, bà **Lê Thị Ngọc Q** không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Huy C**. Xử cho ông **Phạm Huy C** được ly hôn đối với bà **Lê Thị Ngọc Q**.

2. Về con chung: Không có, Tòa án không giải quyết

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông **Phạm Huy C** được miễn toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **Phạm Huy C** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

Ngày 28/6/2024, nguyên đơn ông **Phạm Huy C** có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **C**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà **Lê Thị Ngọc Q** là bị đơn trong vụ án đã có yêu cầu xin xử vắng mặt tại phiên tòa với lý do sức khỏe yếu không thể tham gia phiên tòa được. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **Q** theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phạm Huy C** và bà **Lê Thị Ngọc Q** được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 03/11/2022 tại **UBND xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình** trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2022 đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông **C** và bà **Q** chung sống hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông , bà không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng ông mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Kể từ tháng 05 năm 2024, bà **Q** đã không ở cùng ông **C** mà đã về nhà mình để ở cho đến nay. Ông **C** thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên ông làm đơn này đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà **Lê Thị Ngọc Q**.

Bà **Lê Thị Ngọc Q** cũng trình bày sau khi kết hôn vợ chồng bà **Q** chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân, thời

gian mâu thuẫn giống như ông C đã trình bày. Sau phát sinh mâu thuẫn, nay ông C xin ly hôn bà thì bà không mong muốn ly hôn tuy nhiên nếu ông C cương quyết đòi ly hôn bà thì bà cũng đồng ý ly hôn. Chính quyền địa phương nơi bà Q và ông C cư trú cũng xác nhận có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện N vào năm 2022. Sau khi đăng ký kết hôn ông C và bà Q sinh sống tại thôn A, xã Q, huyện N từ năm 2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng ông C và bà Q thì địa phương không nắm rõ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của ông C, xử cho ông Phạm Huy C được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc Q là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: không có do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: ông C không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình: ông C được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ông Phạm Huy C được ly hôn đối với bà Lê Thị Ngọc Q. Quan hệ hôn nhân của ông Phạm Huy C và bà Lê Thị Ngọc Q chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có, Tòa án không xem xét

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Huy C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm ông C và bà Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H. NQ;
- UBND thị trấn NQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn